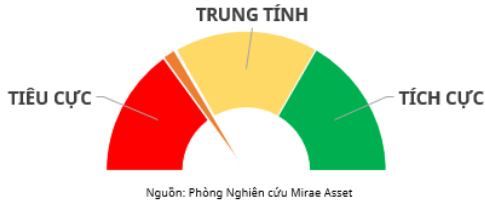


Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn



30 Tháng 09, 2022

Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,132.11	0.5	-11.6	-15.6
HNX	250.25	0.3	-14.3	-30.0
UPCOM	84.96	-0.3	-8.1	-12.0
MSCI EM	873.29	-0.3	-12.2	-30.3
NIKKEI	25,937.21	-1.8	-7.7	-11.9
HANG SENG	17,222.83	0.3	-13.7	-29.9
KOSPI	2,155.49	-0.7	-12.8	-29.8
FTSE	6,932.40	0.7	-4.8	-2.2
S&P 500	3,640.47	-2.1	-8.0	-15.5
NASDAQ	10,737.51	-2.8	-9.1	-25.7

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Việt Nam	12.4	1.9	15.4
Indonesia	15.6	2.1	14.0
Philippines	14.8	1.4	10.1
Malaysia	15.5	1.3	8.8
Thái Lan	16.2	1.6	9.6

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Tái cấp vốn	5.0	0	100	100
TPCP 5 năm	4.4	3	137	349
TPCP 10 năm	4.8	3	121	262

Tỷ giá ngoại hối

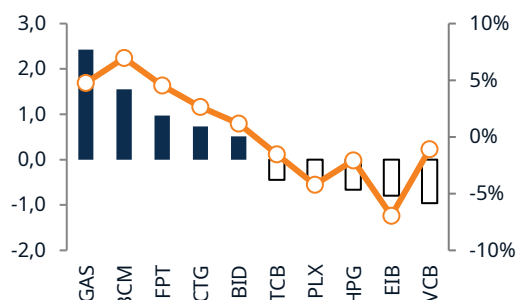
	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,869	-0.2	-1.8	-4.6
US\$/KRW	1,431.2	0.5	-6.5	-17.3
US\$/JPY	144.3	0.1	-3.7	-22.9
US\$/EUR	1.0	-0.1	2.3	17.8
US\$/GBP	0.9	-0.5	4.0	20.6
US\$/SGD	1.4	0.1	-2.4	-5.2

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	380	497	844
HNX	41	56	104
UPCOM	20	25	62

Các cổ phiếu tác động VN-Index

(points) ■ Index impact (index points) (% DoD)



Nhận định thị trường

Mốc 1.100 gặp nguy hiểm

Trong khi các thị trường thế giới trải qua tuần với các phiên tăng giảm đan xen thì NĐT trên TTCK Việt Nam đã trải qua 1 tuần trong tâm trạng lo lắng, bi quan khi VN-Index có tuần giảm mạnh nhất từ tháng 5/2022 đến nay. Với 4/5 phiên giảm liên tục, VN-Index đã dễ mất 71,17 điểm tương đương 5,91% so với cuối tuần trước. Diễn biến đáng chú ý là việc mốc tâm lý 1.200 bị xuyên thủng, tạo tâm lý bi quan khiến NĐT liên tục giảm giá bán sau đó. Ở mức thấp nhất tuần, chỉ số cũng đã dễ thủng mốc 1.100 và chạm mức 1.099,44.

Hai cổ phiếu họ Vingroup là VIC và VHM dẫn đầu nhóm ảnh hưởng tiêu cực đến VN-Index. VIC giảm 12,1% và VHM giảm 11,4% ảnh hưởng lần lượt -7,3 điểm và -7,2 điểm đến VN-Index. Các ngành khác như Thực phẩm (MSN, VNM), Ngân hàng (VCB, CTG, VPB), Vật liệu Xây dựng (HPG, GVR) và Bán lẻ (MWG) cũng có tên trong top 10, thể hiện sự lo ngại của NĐT xuất hiện trên hầu hết các ngành.

Trong tuần cuối tháng 9, khối ngoại đã bán ròng gần 1.000 tỷ đồng, trong đó lực bán tập trung ở nhóm cổ phiếu bất động sản như NLG (311 tỷ đồng), KDH (238 tỷ đồng) và NVL (205 tỷ đồng). Bên phía mua ròng, khối này mua mạnh nhất DGC (76 tỷ đồng).

Vùng đi ngang 1.160 – 1.290 đã bị xuyên thủng kéo xu hướng trung hạn sang trạng thái Giảm. Trong ngắn hạn VN-Index có thể sẽ có nhịp hồi phục lên vùng 1.160. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn đang ở mức **-4 (TIÊU CỰC)**. Hệ số P/E của VN-Index đạt mức 12,3x.

Phạm Bình Phương, Analyst, 84-8-39102222, Phuong.pb@miraeeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-4	TIÊU CỰC
VN30	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M	-6	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-4	TIÊU CỰC
VN FIN SELECT	-4	TIÊU CỰC
Shanghai Composite	-7	TIÊU CỰC
Kospi	-5	TIÊU CỰC
Nikkei 225	0	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	-4	TIÊU CỰC
Dow Jones	-4	TIÊU CỰC

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Bản tin thị trường

Phân tích kỹ thuật

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-4	TIÊU CỰC
VN30	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M	-6	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-4	TIÊU CỰC
VN FIN SELECT	-4	TIÊU CỰC

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (29/09/2022)	1.132	Kháng cự 1 1.160
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Giảm	Kháng cự 2 1.200
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Giảm	Hỗ trợ 1 1.110
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2 1.050

Mất mốc 1.160, VN-Index rơi vào xu hướng giảm điểm trung hạn. Ngắn hạn chỉ số có thể sẽ xuất hiện nhịp hồi phục hướng đến vùng 1.160.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fireant

CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (30/09/2022)	1.150	Kháng cự 1	1.180
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TIÊU CỰC	Kháng cự 2	1.200
VN30 – đóng cửa	1.147	Hỗ trợ 1	1.150
Chênh lệch VN30F1M & VN30	0.56	Hỗ trợ 2	1.130

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	3	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart 60 phút)	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart ngày)	-4	TIÊU CỰC

VN30F1M tiếp tục tạo vùng đáy mới, thanh khoản vẫn duy trì ở mức trung bình

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fireant

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
----	-------	--------------	--------------	-----------------------	------------------------	---------------------

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
KBC	29	5,879,845	2	TRUNG TÍNH	22,261	89.4	1.6	171
TMS	65.5	12,460	2	TRUNG TÍNH	6,934	8.8	2.0	1
PVI	45	48,855	1	TRUNG TÍNH	10,541	13.7	1.3	2
NVL	84.9	3,254,270	0	TRUNG TÍNH	165,541	51.4	4.5	276
VRE	28	1,444,585	0	TRUNG TÍNH	63,625	49.1	2.0	40
VIB	22	1,886,795	0	TRUNG TÍNH	46,369	6.4	1.6	42
EIB	34.2	990,780	0	TRUNG TÍNH	42,047	20.6	2.2	34
TPB	25	1,189,230	0	TRUNG TÍNH	39,544	7.1	1.4	30
STB	20.6	9,934,130	0	TRUNG TÍNH	38,835	10.8	1.1	205
PDR	51.1	1,848,810	0	TRUNG TÍNH	34,321	16.4	4.5	94
SSI	19.8	16,637,340	0	TRUNG TÍNH	29,485	7.4	1.5	329
VND	17.5	17,022,860	0	TRUNG TÍNH	21,312	4.4	1.5	298
GMD	48	813,875	0	TRUNG TÍNH	14,466	17.7	2.1	39
BAB	15.6	10,320	0	TRUNG TÍNH	12,689	17.6	1.4	0
HPX	25.7	552,095	0	TRUNG TÍNH	7,817	50.5	2.3	14
KOS	35.65	421,350	0	TRUNG TÍNH	7,718	268.0	3.4	15
TCH	11.3	4,844,550	0	TRUNG TÍNH	7,551	16.8	0.8	55
BID	33.9	1,269,935	-2	TRUNG TÍNH	171,484	13.2	1.9	43
FPT	80.5	1,266,395	-2	TRUNG TÍNH	88,311	17.8	4.5	102
ACB	22.2	2,327,940	-2	TRUNG TÍNH	74,979	6.4	1.4	52
VJC	110.9	545,290	-2	TRUNG TÍNH	60,065	629.5	3.5	60
FOX	65.4	4,495	-2	TRUNG TÍNH	21,473	13.3	3.6	0
GEX	19	8,297,500	-2	TRUNG TÍNH	16,178	22.4	1.3	158
VHC	84.9	801,250	-2	TRUNG TÍNH	15,569	7.6	2.1	68
NVB	18.3	192,770	-2	TRUNG TÍNH	10,190	#N/A N/A	2.2	4
MPC	43.9	103,890	-2	TRUNG TÍNH	8,778	14.4	1.6	5
SHS	10.5	8,004,230	-2	TRUNG TÍNH	8,538	8.4	0.9	84
PNJ	107	527,005	-3	TRUNG TÍNH	26,322	17.9	3.2	56
GAS	110	417,335	-4	TIÊU CỰC	210,535	16.5	3.5	46
VNM	72.3	1,978,190	-4	TIÊU CỰC	151,104	17.8	4.4	143
VPB	18	12,377,430	-4	TIÊU CỰC	120,838	7.2	1.3	223
SAB	185	136,350	-4	TIÊU CỰC	118,637	26.4	5.2	25
CTG	23.2	2,734,560	-4	TIÊU CỰC	111,493	7.6	1.1	63
MBB	20	6,447,905	-4	TIÊU CỰC	90,680	5.8	1.3	129
HDB	19.15	1,515,220	-4	TIÊU CỰC	48,167	6.9	1.5	29

DGC	77.6	3,627,895	-4	TIÊU CỰC	28,808	6.2	3.2	282
REE	77	758,580	-4	TIÊU CỰC	27,366	11.7	1.9	58
VGC	51.4	1,323,570	-4	TIÊU CỰC	23,045	11.8	3.0	68
LPB	12.9	3,004,110	-4	TIÊU CỰC	19,396	4.0	0.8	39
DPM	46.85	3,471,155	-4	TIÊU CỰC	18,334	3.2	1.4	163
DCM	33.7	6,615,145	-4	TIÊU CỰC	17,841	4.8	1.8	223
VEF	102	2,370	-4	TIÊU CỰC	16,993	51.8	7.3	0
QNS	45	267,505	-4	TIÊU CỰC	16,062	10.9	1.9	12
VCI	29.4	5,923,010	-4	TIÊU CỰC	12,804	8.4	1.8	174
DXG	20.3	10,427,065	-4	TIÊU CỰC	12,333	16.6	1.3	212
PVS	23.2	8,737,635	-4	TIÊU CỰC	11,089	21.0	0.9	203
PVD	20	11,540,245	-4	TIÊU CỰC	11,006	#N/A N/A	0.8	231
DGW	64.4	1,257,145	-4	TIÊU CỰC	10,502	14.3	5.1	81
SBT	16.2	1,355,155	-4	TIÊU CỰC	10,192	13.2	1.2	22
HDG	40.7	1,872,555	-4	TIÊU CỰC	9,955	7.1	2.1	76
HSG	14.8	11,150,460	-4	TIÊU CỰC	8,851	4.2	0.7	165
FRT	73.3	1,907,980	-4	TIÊU CỰC	8,684	14.6	4.7	140
HUT	22	2,228,065	-4	TIÊU CỰC	7,670	29.3	1.9	49
QTP	16.1	348,110	-4	TIÊU CỰC	7,245	12.5	1.2	6
SCS	75.8	26,085	-4	TIÊU CỰC	7,116	11.5	6.2	2
CMG	45.8	245,690	-4	TIÊU CỰC	6,870	24.8	3.0	11
E1VFN30	19.92	939,365	-4	TIÊU CỰC	6,833	#N/A Field Not Applicable	#N/A Field Not Applicable	19
BCG	12.3	5,299,255	-4	TIÊU CỰC	6,562	7.0	0.9	65
VCB	73.2	1,030,035	-5	TIÊU CỰC	346,420	13.9	2.8	75
VHM	50.7	2,055,760	-5	TIÊU CỰC	220,766	7.8	1.8	104
ACV	75	30,315	-5	TIÊU CỰC	163,271	206.7	4.3	2
MCH	93.5	6,535	-5	TIÊU CỰC	66,997	12.2	4.1	1
BSR	20.1	7,147,640	-5	TIÊU CỰC	62,320	9.5	1.7	144
HVN	13.35	1,336,760	-5	TIÊU CỰC	29,562	#N/A N/A	#N/A N/A	18
DIG	29.7	7,407,635	-5	TIÊU CỰC	18,113	16.8	2.4	220
NLG	30.3	2,934,840	-5	TIÊU CỰC	11,603	15.4	1.3	89
OIL	11	982,335	-5	TIÊU CỰC	11,377	21.7	1.1	11
HCM	24.5	6,786,645	-5	TIÊU CỰC	11,202	9.7	1.4	166
VCS	65.6	76,690	-5	TIÊU CỰC	10,496	6.3	2.1	5
VCG	21.35	8,725,705	-5	TIÊU CỰC	10,374	11.1	1.5	186
BWE	49	297,115	-5	TIÊU CỰC	9,453	14.5	2.3	15
KLB	24.4	4,325	-5	TIÊU CỰC	8,820	10.3	1.9	0
HND	15.7	20,435	-5	TIÊU CỰC	7,850	17.2	1.3	0
PC1	32.5	2,095,005	-5	TIÊU CỰC	7,643	15.6	1.6	68
VGJ	15	599,755	-5	TIÊU CỰC	7,500	9.6	1.1	9
SJS	64	30,230	-5	TIÊU CỰC	7,289	150.0	3.0	2
CTR	60	325,910	-5	TIÊU CỰC	6,863	16.6	5.1	20
VIC	55	1,045,850	-6	TIÊU CỰC	209,766	#N/A N/A	1.9	58
BCM	90.6	247,540	-6	TIÊU CỰC	93,771	55.2	5.4	22
MWG	64	3,600,910	-6	TIÊU CỰC	93,667	18.6	4.2	230
GVR	20.9	1,992,955	-6	TIÊU CỰC	83,600	18.0	1.7	42
VEA	44.5	333,535	-6	TIÊU CỰC	59,132	10.3	2.5	15
BVH	53.5	1,558,775	-6	TIÊU CỰC	39,714	22.2	1.8	83

SHB	12.45	8,113,265	-6	TIÊU CỰC	33,203	4.6	0.8	101
MSR	17.7	159,165	-6	TIÊU CỰC	19,455	99.4	1.4	3
IDC	49.7	4,519,215	-6	TIÊU CỰC	16,401	9.5	3.0	225
VPI	59.9	991,315	-6	TIÊU CỰC	14,496	24.7	4.4	59
HAG	13.25	25,013,164	-6	TIÊU CỰC	12,288	17.2	2.8	331
VSH	36.6	458,620	-6	TIÊU CỰC	8,646	10.7	2.0	17
NT2	28.45	2,385,065	-6	TIÊU CỰC	8,190	9.1	1.8	68
PHR	55.1	752,690	-6	TIÊU CỰC	7,466	11.2	2.3	41
MSN	99	557,625	-7	TIÊU CỰC	140,949	13.8	4.8	55
HPG	21.2	18,996,250	-7	TIÊU CỰC	123,273	4.5	1.2	403
TCB	32.5	2,746,265	-7	TIÊU CỰC	114,310	5.6	1.1	89
PLX	32.9	1,168,450	-7	TIÊU CỰC	41,802	45.5	1.8	38
POW	12.35	16,058,405	-7	TIÊU CỰC	28,922	18.3	1.0	198
PGV	23	10,240	-7	TIÊU CỰC	25,840	8.9	1.4	0
KDH	28.05	2,185,885	-7	TIÊU CỰC	20,107	16.0	1.8	61
KDC	62.5	1,046,845	-7	TIÊU CỰC	15,727	27.6	2.4	65
DHG	85.5	7,600	-7	TIÊU CỰC	11,179	13.4	2.9	1

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Giá dầu đi xuống dù OPEC+ cân nhắc cắt giảm sản lượng

Giá dầu giảm trong phiên giao dịch 29/9 khi quan ngại suy thoái lần át kỳ vọng OPEC+ cắt giảm sản lượng trong cuộc họp tuần tới.

Giá dầu Brent tương lai giảm 0,83 USD, tương đương 0,9% xuống 88,49 USD/thùng. Giá dầu WTI giảm 0,92 USD, tương đương 1,1% xuống 81,23 USD/thùng.

Một số quốc gia chủ chốt trong OPEC+ đã bắt đầu thảo luận về phương án cắt giảm sản lượng trong cuộc họp diễn ra vào ngày 5/10 tới, theo ba nguồn thạo tin chia sẻ với Reuters.

Theo nguồn tin đầu tiên, phương án cắt giảm sản lượng rất "khả thi" trong khi hai nguồn tin còn lại xác nhận các thành viên quan trọng đã đề cập tới chủ đề này. Trước đó, Reuters đưa tin Nga có thể sẽ đệ trình phương án cắt giảm sản lượng tới 1 triệu thùng/ngày.

"Hiện tại, thị trường dầu mỏ chịu chi phối chính từ tình trạng suy giảm nhu cầu và nguồn cung khan hiếm", Ryan Dusek, Lãnh đạo tại Commodity Risk Advisory Group, chia sẻ.

FTSE Russell: Việt Nam tiếp tục nằm trong danh sách theo dõi nâng hạng thị trường mới nổi

FTSE Russell vừa ra thông báo về việc giữ nguyên Việt Nam ở lại nhóm thị trường cận biên (Frontier) và nằm trong danh sách theo dõi thị trường mới nổi loại 2 (Secondary Emerging market).

Theo FTSE Russell, Việt Nam đã được cho vào danh sách theo dõi thị trường mới nổi loại 2 từ tháng 9/2018. Tuy nhiên, tiến độ chậm hơn dự kiến một phần do ảnh hưởng của Covid-19. Bên cạnh đó, Việt Nam vẫn chưa đáp ứng được tiêu chí "Chu kỳ thanh toán (DvP)" khi đang bị xếp ở mức "hạn chế" do các cơ quan chức năng đẩy mạnh công tác tiền kiểm soát để đảm bảo các điều kiện tài chính khi giao dịch được thực hiện. Điều này kéo theo việc không có giao dịch thất bại xuất hiện trên thị trường Việt Nam, nên tiêu chí "Thanh

toán bù trừ, chi phí khi xảy ra giao dịch thất bại" cũng bị FTSE đánh giá "N/A".

Ngoài ra, FTSE cũng cho rằng Việt Nam cần cải thiện ở khâu đăng ký tài khoản, trong đó cần có những cơ chế tạo điều kiện hơn cho nhà đầu tư nước ngoài giao dịch chứng khoán đã hết room.

Việt Nam sẽ tiếp tục ở lại nhóm thị trường cận biên (Frontier) và nằm trong danh sách theo dõi thị trường mới nổi loại 2. FTSE đánh giá lại cơ hội chính thức nâng hạng thị trường mới nổi loại 2 của Việt Nam vào tháng 3/2023.

Thị trường căn hộ TP HCM 'ngắm đôn' kiểm soát tín dụng

Báo cáo của Cushman & Wakefield nhận định việc kiểm soát tín dụng gây ảnh hưởng tới thị trường căn hộ TP HCM.

Cụ thể, chính sách kiểm soát tín dụng có hiệu lực từ đầu tháng 7 năm nay đã phần nào tạo ra rào cản trong việc huy động vốn từ các ngân hàng thương mại, khiến các chủ đầu tư gặp khó khăn khi triển khai các dự án căn hộ mới. Do đó, nguồn cung căn hộ mới trong quý III đã giảm 56% theo quý, với khoảng 4.100 căn được chào bán. Trong đó, căn hộ trung cấp chiếm 75% giỏ hàng. Nguồn cung tập trung chủ yếu ở khu vực phía Đông với 76% nhờ vào các dự án cơ sở hạ tầng đang hoàn thiện.

Kiểm soát tín dụng cũng gây khó khăn trong việc giải ngân vốn vay cho khách hàng, dẫn đến lượng bán và tỷ lệ hấp thụ đều giảm trong quý, với 4.150 căn tiêu thụ, giảm 54% so với quý trước. Đặc biệt, nhu cầu thị trường có vẻ chậm lại trong tháng 7 và tháng 8 và bắt đầu phục hồi từ đầu tháng 9.

Đến 20/9, tín dụng tăng 10,54%

Theo báo cáo tình hình kinh tế xã hội quý III và 9 tháng đầu năm vừa được công bố, Tổng cục Thống kê cho biết đến thời điểm 20/9, tổng phương tiện thanh toán tăng 2,49% so với cuối năm 2021 và tăng 4,95% so với cùng kỳ năm 2021. Huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 4,04%, cùng kỳ năm 2021 tăng 4,28%.

Tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 10,54%, cùng kỳ năm 2021 tăng 7,17% (gấp 2,6 lần tốc độ tăng trưởng huy động vốn). Tổng cục Thống kê đánh giá tăng trưởng tín dụng đạt khá, hỗ trợ tích cực cho tăng trưởng kinh tế 9 tháng năm 2022.

Trong tuần trước, tại họp báo thông tin kết quả hoạt động ngân hàng quý III do Ngân hàng Nhà nước (NHNN) tổ chức, Phó Thống đốc thường trực Đào Minh Tú cho biết NHNN đặt chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng 14% năm 2022 có xem xét điều chỉnh khi cần thiết. Tuy nhiên, từ nay đến cuối năm, mục tiêu kiểm soát lạm phát là yêu cầu cao nhất. NHNN đang theo dõi giám sát, đánh giá kịp thời tình hình tăng trưởng tín dụng của các ngân hàng thương mại, không chỉ cho năm 2022 mà còn tạo tiền đề kiểm soát tín dụng một cách hợp lý, phù hợp, hiệu quả cho năm 2023 – được dự báo vẫn còn nhiều khó khăn.

IMF nâng dự báo tăng trưởng của Việt Nam lên 7% trong năm 2022

Trang mạng imf.org của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) ngày 6/9 đăng bài viết đánh giá tích cực về triển vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam.

Theo bài viết, trong nửa đầu năm 2022, kinh tế Việt Nam phục hồi nhanh chóng sau khi nới lỏng các biện pháp kiểm soát dịch COVID-19 và áp dụng chiến lược sống chung với COVID-19 cũng như tiến hành chiến dịch tiêm chủng quy mô lớn.

Chính phủ thực hiện các chính sách hỗ trợ như lãi suất thấp, tăng trưởng tín dụng mạnh và chương trình Phục hồi và phát triển kinh tế xã hội, cùng với đó là hoạt động sản xuất tăng cao và sự phục hồi trong hoạt động bán lẻ và du lịch.

Mới đây, IMF đã nâng dự báo tăng trưởng của Việt Nam lên 7% trong năm 2022, cao hơn 1 điểm phần trăm so với mức dự báo của 3 tháng trước đó và là lần điều chỉnh tăng mạnh duy nhất trong số các nền kinh tế lớn ở châu Á.

IMF đã hạ dự báo tăng trưởng của Việt Nam năm 2023 còn 6,7%, tức giảm 0,5 điểm phần trăm so với dự báo trước đó. Tuy nhiên, con số này vẫn khả quan so với viễn cảnh ảm ảm ở các nước khác và là mức tăng trưởng nhanh nhất trong số các nền kinh tế lớn của châu Á.

Theo báo cáo cập nhật Triển vọng kinh tế thế giới mới nhất của IMF, thể chế tài chính này dự báo mức tăng trưởng kinh tế của khu vực châu Á lần lượt giảm còn 4,2% và 4,6% năm 2022 và năm 2023.

Bài viết đề cập đến áp lực lạm phát của Việt Nam chủ yếu ở một số hàng hóa như nhiên liệu và các dịch vụ liên quan như vận tải.

Người tiêu dùng hầu như không bị ảnh hưởng bởi giá thực phẩm tăng vọt trên toàn cầu vì nguồn cung trong nước dồi dào, giá thịt lợn giảm so với mức đỉnh của năm 2021, giá gạo vẫn rẻ hơn so với các loại ngũ cốc khác như lúa mì. Hơn nữa, giá các dịch vụ như y tế và giáo dục cũng tăng vừa phải.

Tại Việt Nam, giá tiêu dùng trong bảy tháng kể từ đầu năm 2022 vẫn tăng nhưng vẫn thấp hơn mục tiêu 4% của Ngân hàng Nhà nước. Sự phục hồi kinh tế chậm chạp trong năm 2021 đã giúp duy trì mức lạm phát cơ bản thấp hơn các nước trong khu vực.

Tuy nhiên, lạm phát có thể gia tăng khi hoạt động kinh tế trở lại bình thường. Chi phí vận tải và các mặt hàng như phân bón và thức ăn chăn nuôi tăng có thể khiến giá nhiều loại hàng hóa và dịch vụ tăng, gây thêm áp lực lạm phát.

SCIC thu về gần 2.300 tỷ đồng từ thoái vốn nhà nước sau 9 tháng

Ngày 29/9, tại họp báo Họp báo thường kỳ quý III/2022, Bộ Tài chính cho biết trong 9 tháng đầu năm, các đơn vị tiếp tục triển khai công tác cổ phần hóa theo kế hoạch được phê duyệt, ngoài ra, ghi nhận bổ sung một doanh nghiệp cổ phần hóa là Công ty TNHH MTV Phà An Giang.

Công ty này thuộc danh mục cổ phần hóa giai đoạn 2017 - 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt với tổng giá trị doanh nghiệp là 309 tỷ đồng; trong đó, giá trị thực tế phần vốn nhà nước là 278 tỷ đồng.

Về thoái vốn, Bộ Tài chính cho biết trong tháng 9 đã thoái vốn tại các doanh nghiệp với giá trị 48,3 tỷ đồng, thu về 109,1 tỷ đồng do SCIC thoái vốn tại CTCP Địa ốc Vĩnh Long, CTCP Thuốc Ung Thư Benovas và có một đơn vị thoái vốn không thành công là trường hợp của Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam thoái vốn bất thành tại CTCP Sách & TBTH Ninh Thuận và CTCP Sách – TBTH Điện Biên.

Lũy kế 9 tháng năm 2022, ghi nhận các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước thoái vốn tại doanh nghiệp với giá trị là 466 tỷ đồng, thu về 2.289,5 tỷ đồng.

NHNN điều chỉnh giá bán USD lên hơn 23.900 đồng

Sáng 30/9, Ngân hàng Nhà nước đã điều chỉnh tỷ giá bán USD tại Sở giao dịch NHNN từ 23.700 đồng/USD lên 23.925 đồng/USD. Như vậy, từ đầu năm đến nay, NHNN đã tăng tỷ giá này thêm 905 đồng, tương đương tăng 3,9%.

Tỷ giá trung tâm cũng được NHNN điều chỉnh mạnh, tăng 29 đồng so với hôm qua lên 23.400 đồng/USD. Với biên độ +/-3%, tỷ giá sàn và tỷ giá trần áp dụng cho hôm nay lần lượt là 22.698-24.102 đồng/USD.

Giá mua – bán USD tại các ngân hàng thương mại cũng tiếp tục tăng mạnh ngay khi mở cửa phiên 30/9. Trước đó, trong ngày 29/9, tỷ giá USD ngân hàng cũng đã đồng loạt tăng 60-100 đồng.

Tại Vietcombank, tỷ giá USD đang được niêm yết ở mức 23.660-23.970 đồng/USD, tăng 20 đồng so với cuối ngày hôm qua. Trong khi đó, BIDV đã nâng giá bán USD lên 23.010 đồng/USD, cao hơn hôm qua 35 đồng. Giá mua vào cũng được điều chỉnh lên 23.730 đồng/USD.

Sacombank và ACB cũng đều đã nâng tỷ giá USD vượt 24.000 đồng/USD. 2 ngân hàng này đang lần lượt niêm yết ở mức 23.690-24.050 đồng/USD và 23.700-24.050 đồng/USD. Như vậy, giá bán USD tại những ngân hàng này chỉ còn cách trần quy định khoảng 50 đồng.

Ngân sách bội thu, Việt Nam còn dư địa để tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp

Ngày 29/9, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 59/2022/TT-BTC quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí, trong đó, giảm từ 20 - 50% một số loại phí hoạt động kinh doanh vận tải.

Theo Bộ Tài chính, việc ban hành Thông tư này nhằm góp phần hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh vận tải trước những khó khăn do COVID-19 cũng như biến động của giá nhiên liệu trong thời gian qua. Bộ Tài chính ước tính, việc giảm phí, lệ phí giảm thu ngân sách nhà nước khoảng 55 tỷ đồng.

Đây chỉ là một trong nhiều chính sách hỗ trợ mà Chính phủ đưa ra để hỗ trợ doanh nghiệp. Theo Bộ Tài chính, tính đến hết tháng 9, tổng số tiền thuế, phí, lệ phí được miễn, giảm, gia hạn ước khoảng 157.900 tỷ đồng.

Trong suốt 9 tháng của năm nay, Bộ Tài chính đã thực hiện một số giải pháp tài khóa như giảm thuế VAT từ 10% xuống 2% một số hàng hóa, dịch vụ, giảm 50% thuế bảo vệ môi trường đối với nhiên liệu bay, xăng dầu; giảm mức thu 37 khoản phí, lệ phí...

Bên cạnh đó, hoạt động quản lý chi ngân sách nhà nước được Bộ Tài chính cũng được tập trung, ưu tiên nguồn lực cho Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội 347 nghìn tỷ đồng, trong đó 40 nghìn tỷ đồng hỗ trợ lãi xuất 2% cho doanh nghiệp, đảm bảo ổn định đời sống xã hội của người dân.

CEO Gemadept: Vận tải biển đã qua đỉnh nhưng hoạt động cảng vẫn tăng trưởng

Tại hội thảo “Tiềm năng ngành cảng biển Việt Nam và lợi thế của Gemadept”, ông Nguyễn Thanh Bình – Tổng giám đốc Gemadept (HoSE: GMD) đánh giá giá cước vận tải biển đã qua đỉnh và hoạt động vận tải biển bắt đầu trở lại bình thường trước dịch. Do đó, lợi nhuận của công ty vận tải biển sẽ giảm từ từ và quay lại mức bình thường sau 2 năm đạt kết quả đột biến.

Đối với hoạt động cảng biển, ông Bình nhìn nhận trong ngắn hạn có sụt giảm và gặp nhiều thách thức trong thời gian tới. Cụ thể, quý IV và nửa đầu 2023 là giai đoạn khó khăn về vấn đề vận chuyển hàng hóa do suy thoái toàn cầu, nhu cầu ở thị trường chính như châu Âu, Mỹ đang giảm. Dù vậy, với tiềm năng tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam, các hiệp định thương mại đã ký, sản lượng hàng hóa qua cảng sẽ còn tăng trưởng và chưa đạt đỉnh.

Doanh nghiệp vẫn giữ mục tiêu tăng trưởng lợi nhuận 25% mỗi năm giai đoạn 2020-2025. Đến 2025, lợi nhuận trước thuế gấp 3 lần năm 2020 và đạt hơn 1.500 tỷ đồng. Động lực đến từ việc gia tăng sản lượng container thông qua hệ thống cảng Gemadept, dự kiến gấp 3 lần 2020 đạt 5,9 triệu TEU.

Công ty đang thúc đẩy đầu tư dự án Nam Đình Vũ giai đoạn 2 để đưa vào hoạt động từ quý I/2023. Dự án được khởi công từ năm 2021, vốn đầu tư 75 triệu USD, quy mô 600.000 TEU.

Với Gemalink 2 đang trong quá trình hoàn thiện giấy phép xây dựng, kỳ vọng hoàn thành trong năm nay và có thể khởi công trong nửa đầu năm sau. Dự án có công suất 1,5 triệu TEU, vốn đầu tư 300 triệu USD.

Ngoài ra, Gemadept có kế hoạch phát triển dự án logistics tại phía Nam quy mô 10 ha và vốn đầu tư 1.200 tỷ đồng. Doanh nghiệp sẽ tập trung vào đầu tư cảng biển, cảng hàng hóa hàng không, cảng thủy nội địa, trung tâm logistics, khu công nghiệp...

Cùng với đó, Gemadept sẽ thoái vốn các khoản đầu tư không thuộc lĩnh vực kinh doanh cốt lõi để tạo dòng tiền đầu tư dự án.

HAGL Agrico trả nợ 600 tỷ đồng cho HAGL, nhận về quyền sử dụng đất 9.470 ha

Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (HAGL Agrico, HoSE: HNG) vừa công bố đã hoàn tất trả nợ đợt 1 cho Hoàng Anh Gia Lai (HAGL, HoSE: HAG) số tiền 600 tỷ đồng.

Cùng với đó, HAGL Agrico nhận về quyền sử dụng đất diện tích 9.470 ha và các tài sản trên đất thuộc sở hữu của Công ty TNHH Hoàng Anh Andoung Meas. Ngày hoàn tất trả nợ và nhận tài sản là 28/9.

Việc trả nợ và nhận về tài sản nhằm thực hiện theo cam kết ba bên gồm HAGL, HAGL Agrico và ngân hàng BIDV. Hiện số nợ của HAGL Agrico tại HAGL còn lại hơn 1.520 tỷ đồng, chiếm 1/4 trong tổng 6.164 tỷ đồng nợ vay của HAGL Agrico.

Cũng trong ngày 29/9, phía HAGL thông báo đã hoàn tất trả một phần nợ gốc của lô trái phiếu có mã là HAGLBOND16.26 phát hành ngày 30/12/2016, với giá trị 605 tỷ đồng. Nguồn tiền từ đền từ việc thu nợ HAGL Agrico và nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh. Với kết quả trên, số dư nợ gốc trái phiếu còn lại của HAGL là 5.271 tỷ đồng.

Hồi tháng 8, HAGL đã công bố nghị quyết về ký kết thoả thuận cam kết với HAGL Agrico và ngân hàng BIDV. Trong đó, HAGL sẽ thực hiện tách bạch, giải chấp/giải trừ nghĩa vụ đối với toàn bộ tài sản thuộc sở hữu của HAGL Agrico và công ty con của HAGL Agrico ra khỏi nghĩa vụ trái phiếu HAGL 2016.

Cùng với đó, HAGL cũng thoả thuận xử lý tách bạch, giải chấp nghĩa vụ đảm bảo đối với toàn bộ tài sản thuộc sở hữu HAGL và bên liên quan HAGL ra khỏi nghĩa vụ của nhóm HAGL Agrico tại các tổ chức tín dụng bao gồm BIDV. Như vậy, tài sản của HAGL chỉ đảm bảo cho nghĩa vụ đối với trái phiếu HAGL 2016.

Tại thời điểm 30/6, nợ vay tài chính của HAGL ở mức 9.020 tỷ đồng, gấp gần 2 lần vốn chủ sở hữu. Trong đó, dư nợ trái phiếu của tập đoàn với BIDV là 5.876 tỷ đồng, đáo hạn vào cuối năm 2026.

Bản tin thị trường

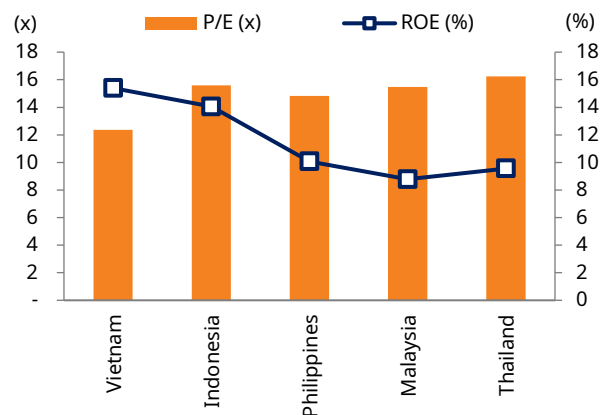
Chỉ báo tham khảo

Biểu đồ định giá P/E lịch sử của VN Index



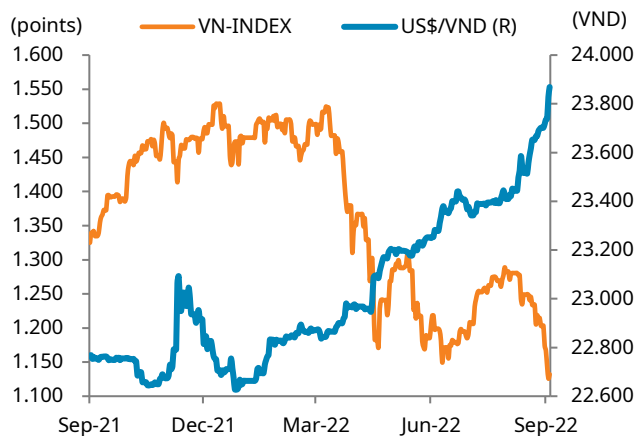
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ định giá P/E và ROE các thị trường



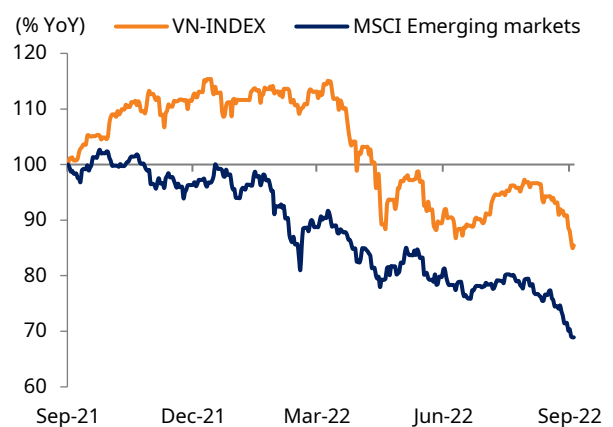
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN-Index và tỷ giá USD/VND



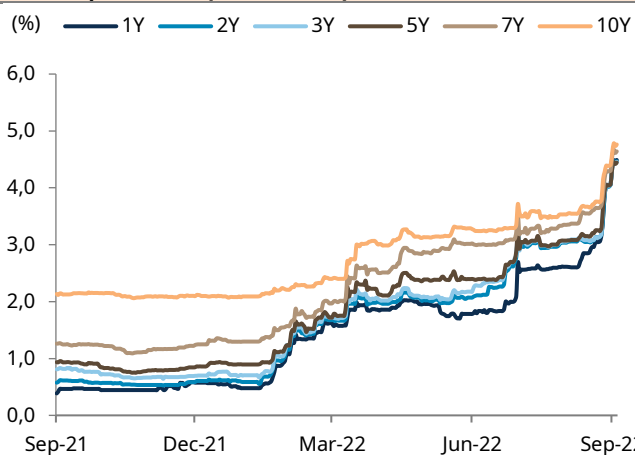
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN Index và MSCI Emerging Markets



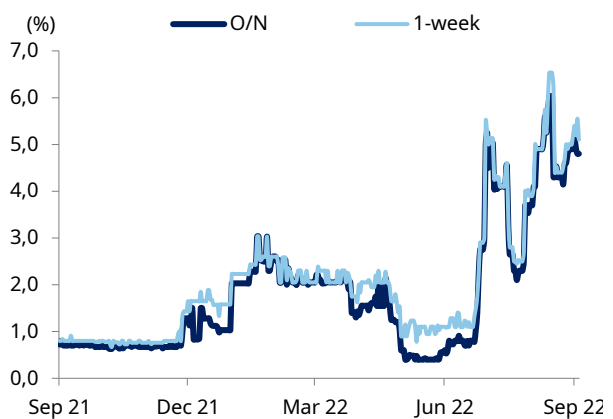
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	VN-Index	1,132.11	4,477,970		0.5	-5.9	-11.6	-15.6	17.3	10.9	2.6	1.8	35.2	20.5	15.5	18.7
VN30 Index	VN30	1,152.01	3,113,041		0.4	-5.2	-11.5	-20.8	14.4	9.2	2.8	1.7	38.5	16.8	19.6	20.7
Asia Commercial Bank	ACB VN	22,200	74,979	30.0	0.9	-1.8	-9.9	-12.0	9.6	5.7	2.2	1.3	24.6	38.0	23.5	24.7
BIDV	BID VN	33,900	171,484	16.9	1.2	-2.4	-15.3	8.1	19.1	12.2	2.3	1.7	50.3	60.1	11.0	16.9
Bao Viet Holdings	BVH VN	53,500	39,714	26.4	0.0	-8.4	-8.5	-8.4	22.9	18.7	2.0	#N/A	21.8	12.1	9.2	9.9
VietinBank	CTG VN	23,200	111,493	26.8	2.7	-7.2	-17.9	-23.7	9.8	5.7	1.7	1.0	18.2	39.8	15.8	19.7
FPT Corp	FPT VN	80,500	88,311	49.0	4.5	-2.3	-7.0	3.9	20.9	16.5	5.0	4.1	21.5	34.6	23.4	28.9
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	110,000	210,535	3.0	4.8	-2.2	-6.1	13.4	21.8	14.9	3.7	3.6	8.1	70.0	16.8	24.7
Vietnam Rubber Group	GVR VN	20,900	83,600	0.5	0.0	-10.5	-20.7	-41.8	45.6	20.3	3.0	#N/A	10.3	-1.2	8.7	8.5
HDBank	HDB VN	19,150	48,167	14.5	0.0	-1.5	-10.3	-5.8	11.0	6.0	2.2	#N/A	42.5	32.2	23.3	22.4
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	21,200	123,273	21.1	-2.1	-6.6	-7.8	-47.9	6.6	5.0	2.5	1.1	151.5	-22.5	42.8	23.6
Khang Dien House Trading and Investment	KDH VN	28,050	20,107	29.7	-3.1	-10.4	-24.2	-25.8	27.5	14.1	3.4	1.7	3.1	22.1	12.2	13.0
MBBank	MBB VN	20,000	90,680	23.2	1.0	-4.8	-15.8	-13.8	9.8	5.1	1.9	1.1	53.0	39.7	23.6	24.1
Masan Group Corp	MSN VN	99,000	140,949	28.9	-1.0	-8.8	-13.5	-16.7	99.2	25.0	9.4	3.7	589.7	-34.6	35.1	15.1
Mobile World Investment Corp	MWG VN	64,000	93,667	49.0	0.0	-7.8	-13.5	0.2	22.2	16.6	5.2	3.2	18.2	12.0	27.3	24.9
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	84,900	165,541	5.5	0.1	0.5	3.7	9.0	2282.8	29.2	5.1	4.1	-18.7	59.6	10.6	15.1
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	51,100	34,321	2.6	0.6	0.6	-7.4	-14.9	29.4	#N/A	7.5	#N/A	53.5	#N/A	29.3	#N/A
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	32,900	41,802	17.4	-4.2	-11.6	-22.0	-36.2	21.0	21.8	2.8	1.6	160.6	-15.8	9.7	5.8
Vietnam International Commercial JSC	VIB VN	22,000	46,369	20.5	-0.7	-1.3	-12.0	-16.0	13.1	5.6	3.3	1.4	39.0	31.1	29.9	28.2
PetroVietnam Power Corp	POW VN	12,350	28,922	2.7	-1.6	-7.8	-11.8	3.3	15.4	16.8	1.4	0.9	-24.2	-2.8	6.2	6.0
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	185,000	118,637	62.8	1.2	-1.1	-1.5	18.3	26.5	23.6	4.6	4.9	-22.9	42.3	17.1	22.3
SSI Securities Corp	SSI VN	19,800	29,485	34.3	2.6	-4.1	-17.5	-48.2	23.9	11.9	4.3	#N/A	100.3	-31.6	21.0	15.2
Sacombank	STB VN	20,600	38,835	21.8	4.6	-4.0	-16.9	-19.8	17.0	9.1	1.8	1.0	30.6	38.9	9.5	11.9
Techcombank	TCB VN	32,500	114,310	22.4	-1.5	-5.0	-16.6	-34.5	10.1	5.2	2.0	1.0	46.1	20.6	21.7	20.9
Tien Phong Bank	TPB VN	25,000	39,544	30.0	1.2	-0.2	-10.7	-18.9	12.5	6.4	2.6	1.2	28.5	20.3	22.6	21.6
Vietcombank	VCB VN	73,200	346,420	23.5	-1.1	-3.6	-12.9	-3.9	17.6	12.5	3.4	2.5	19.7	40.1	19.6	21.9
Vinhomes JSC	VHM VN	50,700	220,766	23.1	-0.2	-11.4	-16.9	-35.2	12.0	7.2	3.1	1.5	40.9	-21.4	36.9	22.2
Vingroup JSC	VIC VN	55,000	209,766	12.2	0.7	-12.1	-13.7	-37.5	#N/A	26.1	3.6	1.9	-145.6	407.5	-2.8	7.6
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	110,900	60,065	16.2	0.7	-1.7	-8.8	-13.3	#N/A	46.9	4.1	#N/A	6.1	1,602.2	0.5	7.5
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	72,300	151,104	55.0	-0.6	-5.7	-4.2	-19.3	19.1	17.0	5.8	4.4	-5.3	-5.9	29.3	27.1
VPBank	VPB VN	18,000	120,838	11.8	0.0	-6.1	-15.1	-26.3	12.9	6.4	2.6	0.8	11.6	58.3	17.9	20.8
Vincom Retail JSC	VRE VN	28,000	63,625	32.1	2.9	-1.8	1.1	-3.8	31.6	26.1	2.2	2.0	-44.8	85.9	4.4	7.7

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thận trọng và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.